

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

Phả Lại - Tháng 07 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 – 20

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,

Tỉnh Hải Dương, CHXNCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Tường Tấn	Thành viên
Ông Phạm Linh	Thành viên
Ông Đàm Minh Đức	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Khắc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,

Tỉnh Hải Dương, CHXNCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Khắc Sơn

Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 07 năm 2009

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa tính lại giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại do thay đổi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Nếu thực hiện xác định lại, tổng tài sản tại ngày 30 tháng 06 năm 2009 và kết quả kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009 sẽ tăng lên với số tiền tương ứng là 64.295.735.647 VND.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 của Thuyết minh báo cáo tài chính, tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2009, Công ty chưa đánh giá lại chênh lệch tỉ giá hối đoái của khoản mục vay dài hạn có gốc ngoại tệ. Nếu thực hiện đánh giá lại khoản mục vay dài hạn có gốc ngoại tệ theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 – “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỉ giá hối đoái”, lợi nhuận trong kỳ của Công ty sẽ tăng lên với số tiền là 331.261.389.114 VND.

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2009, Công ty chưa xác định lại giá trị thuần của các khoản đầu tư chứng khoán để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý: Công ty không trình bày số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 do đây là kỳ kế toán đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Hoàng Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 24 tháng 07 năm 2009
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.749.267.183.234	4.738.663.610.791
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.168.159.108.052	512.800.801.199
1. Tiền	111		31.830.219.496	32.800.801.199
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.136.328.888.556	480.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.955.647.725.728	2.735.647.725.728
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.975.000.000.000	2.755.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(19.352.274.272)	(19.352.274.272)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.055.877.493.114	931.920.868.294
1. Phải thu khách hàng	131		1.019.357.894.877	915.396.364.260
2. Trả trước cho người bán	132		35.733.624.509	15.962.439.677
3. Các khoản phải thu khác	135		785.973.728	562.064.357
IV. Hàng tồn kho	140	6	568.395.413.267	557.197.978.285
1. Hàng tồn kho	141		664.051.834.218	652.854.399.236
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.656.420.951)	(95.656.420.951)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.187.443.073	1.096.237.285
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	431.668.061
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.187.443.073	664.569.224
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.687.939.089.207	6.058.645.918.208
I. Tài sản cố định	220		5.056.550.723.251	5.502.035.705.300
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	4.670.573.915.811	5.114.382.198.737
- Nguyên giá	222		13.260.686.507.362	13.255.619.563.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.590.112.591.551)	(8.141.237.364.447)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	41.173.021.160	44.046.635.396
- Nguyên giá	228		57.274.433.766	57.274.433.766
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.101.412.606)	(13.227.798.370)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		344.803.786.280	343.606.871.167
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	315.255.750.000	239.200.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		355.053.750.000	278.998.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(39.798.000.000)	(39.798.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		316.132.615.956	317.410.212.908
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		423.571.192	1.701.168.144
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	315.709.044.764	315.709.044.764
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.437.206.272.441	10.797.309.528.999

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.323.899.343.794	7.361.025.009.262
I. Nợ ngắn hạn	310		1.140.803.792.502	1.006.054.442.771
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	343.423.050.999	343.423.050.999
2. Phải trả người bán	312		105.481.519.969	133.258.170.464
3. Người mua trả tiền trước	313		1.569.406.953	496.797.970
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	52.065.934.367	24.005.036.499
5. Phải trả người lao động	315		16.277.516.616	14.313.944.154
6. Chi phí phải trả	316	13	523.738.841.612	390.313.777.397
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	98.247.521.986	100.243.665.288
II. Nợ dài hạn	330		6.183.095.551.292	6.354.970.566.491
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	6.181.614.918.167	6.353.326.443.666
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.480.633.125	1.644.122.825
B. NGUỒN VỐN	400		4.113.306.928.647	3.436.284.519.737
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	4.108.136.833.998	3.431.985.636.217
1. Vốn điều lệ	411		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(65.004.299.580)	(65.004.299.580)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		309.600.000.000	309.600.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		52.500.000.000	52.500.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		548.691.133.578	(127.460.064.203)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.170.094.649	4.298.883.520
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		5.170.094.649	4.298.883.520
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.437.206.272.441	10.797.309.528.999

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2009	31/12/2008
1. Hàng hóa nhận giữ hộ	15.853.306.683	15.853.306.683
2. Nợ khó đòi đã xử lý	107.261.329	107.261.329

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Nguyễn Khắc Sơn

Hải Dương, ngày 24 tháng 7 năm 2009

Lê Thế Sơn

Nguyễn Quang Huy

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng	01	17	2.256.174.625.176
2. Doanh thu thuần về bán hàng	10		2.256.174.625.176
3. Giá vốn hàng bán	11	18	1.608.814.390.201
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		647.360.234.975
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	176.955.960.889
6. Chi phí tài chính	22	20	83.524.474.061
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.176.565.910
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		706.615.155.893
9. Thu nhập khác	31		3.020.744.128
10. Chi phí khác	32		2.737.889.887
11. Lợi nhuận khác	40		282.854.241
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		706.898.010.134
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	23.746.812.353
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
15. Lợi nhuận sau thuế	60		683.151.197.781
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	2.101

Tổng Giám đốc**Kế toán trưởng****Người lập****Nguyễn Khắc Sơn**

Hải Dương, ngày 24 tháng 7 năm 2009

Lê Thế Sơn**Nguyễn Quang Huy**

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

Mẫu SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	706.898.010.134
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>		358.249.609.646
- Khấu hao tài sản cố định	02	451.681.161.880
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(176.955.960.889)
- Chi phí lãi vay	06	83.524.408.655
<i>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	1.065.147.619.780
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(96.306.442.756)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(11.197.434.982)
- Tăng các khoản phải trả	11	110.489.109.875
- Giảm chi phí trả trước	12	1.277.596.952
- Tiền lãi vay đã trả	13	(84.371.385.965)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	52.916.680
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.114.026.091)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	978.977.953.493
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(5.066.944.178)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(700.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	705.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(301.055.750.000)
5. Tiền thu lãi cho vay	27	149.214.573.037
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(151.908.121.141)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(171.711.525.499)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(171.711.525.499)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	655.358.306.853
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	512.800.801.199
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	1.168.159.108.052

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Nguyễn Khắc Sơn

Hải Dương, ngày 24 tháng 7 năm 2009

Lê Thế Sơn

Nguyễn Quang Huy

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006. Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 1 năm 2006. Hiện nay, Công ty đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là: 3.262.350.000.000 VND.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ngân Hà là các cổ đông sáng lập của Công ty. Trong đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam là cổ đông chi phối nắm giữ 67,99% vốn điều lệ.

Công ty có trụ sở chính đặt tại thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2009 là 1.530 người (năm 2008: 1.526 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập trong kỳ cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng năm là 10% trong 10 năm kể từ thời điểm đưa thiết bị của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2 vào sử dụng. Theo đó, mỗi năm Công ty sẽ lập dự phòng thêm bằng 10% giá trị còn lại cuối niên độ kế toán của giá trị vật tư dự phòng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và theo các ước tính về giá trị bị suy giảm, không cho mục đích thuế thu nhập doanh nghiệp, vì vậy sẽ tạo ra một khoản tài sản thuế hoãn lại được trình bày trên bảng cân đối kế toán.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, Công ty chưa thực hiện xác định mức giảm giá hàng tồn kho để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	08 – 12
Phương tiện vận tải	10 – 15
Thiết bị văn phòng	03 – 10
Tài sản cố định khác	03 – 25

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị chi phí về quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận toàn bộ vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên sổ dự khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với khoản mục “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2009, Công ty chưa xác định lại giá trị thuần của các khoản đầu tư chứng khoán để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Theo các quy định về ưu đãi miễn giảm thuế tại các văn bản bao gồm Nghị định số 164/2003-NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003; các công văn về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các tổ chức có chứng khoán giao dịch trên trung tâm giao dịch chứng khoán số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công văn số 1591/TCT/DNN của Tổng Cục thuế ngày 4 tháng 5 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ tư Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp 2008, hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động nêu trên chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Quy định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	12.092.987.929	2.991.747.953
Tiền gửi ngân hàng	19.737.231.567	29.809.053.246
Các khoản tương đương tiền (*)	1.136.328.888.556	480.000.000.000
	1.168.159.108.052	512.800.801.199

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	2.235.000.000.000	2.020.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (**)	740.000.000.000	735.000.000.000
<i>Công ty Tài chính Dầu khí (PVFC)</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>300.000.000.000</i>
<i>Công ty Quản lý quỹ ĐTCK Bảo Việt (BVPMC)</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>70.000.000.000</i>
<i>Công ty Quản lý quỹ ĐTCK Việt Nam (VFM)</i>	<i>175.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
<i>Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)</i>	<i>265.000.000.000</i>	<i>265.000.000.000</i>
	2.975.000.000.000	2.755.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(19.352.274.272)	(19.352.274.272)
	2.955.647.725.728	2.735.647.725.728

(*) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới một năm. Các khoản này được tính theo lãi suất cố định.

(**) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được phân loại lại từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn sẽ đáo hạn trong vòng 1 năm tới. Các khoản đầu tư tài chính này được lập dự phòng theo những ước tính kế toán suy giảm về mặt giá trị của các khoản đầu tư.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2009	31/12/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	646.251.100.125	635.105.621.038
Công cụ, dụng cụ	17.691.080.157	17.732.263.198
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	109.653.936	16.515.000
	664.051.834.218	652.854.399.236
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95.656.420.951)	(95.656.420.951)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	568.395.413.267	557.197.978.285

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2009	1.702.724.013.632	11.469.196.806.267	49.054.308.692	33.254.168.520	1.390.266.073	13.255.619.563.184
Tăng trong kỳ	-	960.218.956	510.011.636	2.432.510.952	1.164.202.634	5.066.944.178
- <i>Mua sắm mới</i>	-	960.218.956	510.011.636	2.432.510.952	1.164.202.634	5.066.944.178
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2009	1.702.724.013.632	11.470.157.025.223	49.564.320.328	35.686.679.472	2.554.468.707	13.260.686.507.362
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 01/01/2009	1.007.397.879.163	7.079.785.402.687	29.717.058.188	23.716.121.739	620.902.670	8.141.237.364.447
Tăng trong kỳ	37.341.447.525	408.400.006.952	1.555.129.435	1.411.995.654	166.647.538	448.875.227.104
- <i>Trích khấu hao</i>	37.341.447.525	408.400.006.952	1.555.129.435	1.411.995.654	166.647.538	448.875.227.104
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2009	1.044.739.326.688	7.488.185.409.639	31.272.187.623	25.128.117.393	787.550.208	8.590.112.591.551
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/06/2009	657.984.686.944	3.981.971.615.584	18.292.132.705	10.558.562.079	1.766.918.499	4.670.573.915.811
Tại ngày 31/12/2008	695.326.134.469	4.389.411.403.580	19.337.250.504	9.538.046.781	769.363.403	5.114.382.198.737

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2009 với giá trị là 705.742.929.490 VND (năm 2008 là 624.924.120.165 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

**Chi phí về quyền
sử dụng đất****NGUYÊN GIÁ****Tại ngày 01/01/2009****57.274.433.766**

Tăng trong kỳ

-

Giảm trong kỳ

-

Tại ngày 30/06/2009**57.274.433.766****GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ****Tại ngày 01/01/2009****13.227.798.370**

Trích khấu hao trong kỳ

2.873.614.236

Tại ngày 30/06/2009**16.101.412.606****GIÁ TRỊ CÒN LẠI****Tại ngày 30/06/2009****41.173.021.160****Tại ngày 31/12/2008****44.046.635.396****9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2009	31/12/2008
	VND	VND
Các khoản ủy thác đầu tư tài chính (*)	590.000.000.000	960.000.000.000
Công ty Tài chính Dầu khí (PVFC)	-	300.000.000.000
Công ty Quản lý quỹ ĐTCK Bảo Việt (BVFC)	150.000.000.000	220.000.000.000
<i>Khoản đầu tư 1</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
<i>Khoản đầu tư 2</i>	<i>-</i>	<i>70.000.000.000</i>
Công ty Quản lý quỹ ĐTCK Việt Nam (VFM)	175.000.000.000	175.000.000.000
<i>Khoản đầu tư 1</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
<i>Khoản đầu tư 2</i>	<i>75.000.000.000</i>	<i>75.000.000.000</i>
Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)	265.000.000.000	265.000.000.000
<i>Khoản đầu tư 1</i>	<i>200.000.000.000</i>	<i>200.000.000.000</i>
<i>Khoản đầu tư 2</i>	<i>65.000.000.000</i>	<i>65.000.000.000</i>
Đầu tư chứng khoán khác	46.498.000.000	46.498.000.000
Đầu tư dài hạn khác	308.555.750.000	7.500.000.000
	945.053.750.000	1.013.998.000.000
Đã phân loại sang đầu tư tài chính ngắn hạn (Cho các khoản đầu tư đáo hạn trong vòng 1 năm tới)	(590.000.000.000)	(735.000.000.000)
Số dư đầu tư tài chính dài hạn khác	355.053.750.000	278.998.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(39.798.000.000)	(39.798.000.000)
	315.255.750.000	239.200.000.000

Công ty Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFC): Là khoản ủy thác đầu tư theo Phụ lục số 1 ngày 18 tháng 9 năm 2007 của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFC-UTĐT/PLPC ngày 18 tháng 09 năm 2007 với số tiền là 150 tỷ VND. Thời hạn của khoản ủy thác đầu tư là 03 năm kể từ ngày Công ty chuyển khoản vốn ủy thác cuối cùng. Lãi suất cố định của khoản ủy thác đầu tư là 7,65%/năm, ngoài ra bên ủy thác đầu tư có thể được chia thêm lãi phụ thuộc vào tình hình đầu tư của bên nhận ủy thác theo các quy định cụ thể của hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

Công ty Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM): là hai khoản ủy thác đầu tư theo các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư, bao gồm:

- Khoản đầu tư 1: Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số VFM-PLPC 001/2007 ngày 12 tháng 09 năm 2007 ký với Công ty Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM) với số tiền là 100 tỷ VND. Thời hạn của khoản ủy thác đầu tư là 24 tháng tính từ thời điểm Công ty chuyển tiền ủy thác đầu tư. Phí quản lý hàng năm của khoản ủy thác đầu tư là 2% được tính trên vốn đầu tư. Công ty chịu toàn bộ các rủi ro liên quan đến khoản vốn ủy thác đầu tư.
- Khoản đầu tư 2: Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số VFM-PLPC 001/2008 ngày 29 tháng 01 năm 2008 với Công ty Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM) với số tiền là 200 tỷ VND. Thời hạn của khoản ủy thác đầu tư là 24 tháng kể từ thời điểm Công ty chuyển tiền ủy thác đầu tư. Phí quản lý hàng năm của khoản ủy thác đầu tư là 2% được tính trên vốn đầu tư. Công ty chịu toàn bộ các rủi ro liên quan đến khoản vốn ủy thác đầu tư. Trong năm 2008, Công ty đã rút vốn trước hạn với số tiền là 125 tỷ VND.

Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM): Bao gồm hai khoản ủy thác đầu tư sau:

- Khoản ủy thác đầu tư theo Phụ lục hợp đồng quản lý đầu tư số 01/001/2007/QLDM ngày 09 tháng 08 năm 2007 của Hợp đồng quản lý đầu tư số 001/2007/QLDM ngày 09 tháng 08 năm 2007 với số tiền ủy thác là 200 tỷ VND. Thời hạn của Hợp đồng quản lý đầu tư này là 02 năm kể từ ngày Công ty chuyển tiền ủy thác đầu tư. Lãi suất cố định của khoản ủy thác đầu tư là 7,6%/năm, ngoài ra bên ủy thác đầu tư có thể được chia thêm lãi phụ thuộc vào tình hình đầu tư của bên nhận ủy thác theo các quy định cụ thể của hợp đồng.
- Khoản ủy thác đầu tư theo hợp đồng quản lý đầu tư số 58/2007/PM-SSIAM tháng 11 năm 2007 với số tiền là 200 tỷ VND. Thời hạn của hợp đồng quản lý đầu tư này là 12 tháng kể từ ngày Công ty chuyển khoản vốn ủy thác cuối cùng. Phí quản lý hàng năm của khoản ủy thác đầu tư là 2%/năm được tính trên giá trị tài sản ròng của khoản đầu tư. Công ty chịu toàn bộ các rủi ro liên quan đến khoản vốn ủy thác đầu tư. Trong năm 2008, Công ty đã rút vốn trước hạn với số tiền là 135 tỷ VND. Đến ngày 13/02/2009 là thời điểm đáo hạn của hợp đồng, Công ty đã ký phụ lục số 04 ngày 13 tháng 02 năm 2009 về việc gia hạn cho hợp đồng đến ngày 30 tháng 11 năm 2009, phí quản lý hàng năm hàng năm của khoản ủy thác đầu tư theo phụ lục này là 1%/năm.

Đầu tư chứng khoán khác: là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa với giá bình quân là 69.400 VND/cổ phiếu. Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2009, Công ty xác định giá trị thị trường của cổ phiếu này là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư đã được ghi nhận với số tiền là 39.798.000.000 VND.

(*) Các khoản ủy thác đầu tư tài chính của Công ty được phân loại theo tiêu chí các khoản ủy thác đầu tư với lãi suất cố định và các khoản ủy thác đầu tư không cam kết lãi suất như sau:

	30/06/2009		
	Lãi suất cố định	Không cam kết	Tổng
	VND	lãi suất	VND
		VND	
Công ty Quản lý quỹ ĐTKB Bảo Việt (BVFMC)	150.000.000.000	-	150.000.000.000
Công ty Quản lý quỹ ĐTKB Việt Nam (VFM)	-	175.000.000.000	175.000.000.000
Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)	200.000.000.000	65.000.000.000	265.000.000.000
Số dư đầu tư	350.000.000.000	240.000.000.000	590.000.000.000
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính (Thuyết minh số 5 - "Đầu tư tài chính ngắn hạn")	-	(19.352.274.272)	(19.352.274.272)
Giá trị thuần của các khoản ủy thác đầu tư	350.000.000.000	220.647.725.728	570.647.725.728

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Chênh lệch tỷ giá hội đoái (*) VND	Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2008	40.160.221.343	20.279.557.254	60.439.778.597
Tăng lợi nhuận sau thuế	251.634.718.183	3.634.547.984	255.269.266.167
Tại ngày 31/12/2008	291.794.939.526	23.914.105.238	315.709.044.764
Tăng lợi nhuận sau thuế	-	-	-
Tại ngày 30/06/2009	291.794.939.526	23.914.105.238	315.709.044.764

(*): Công ty sử dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại theo mức ưu đãi thuế, cụ thể: Từ năm 2008 đến năm 2010 là 0%; từ năm 2011 đến năm 2016 là 7,5%; năm 2017 là 15%; từ năm 2018 đến năm 2028 là 25%. Tuy nhiên theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, hoạt động tài chính không thuộc đối tượng ưu đãi thuế, thu nhập phát sinh từ hoạt động tài chính phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%. Theo đó, kể từ năm 2009 nếu xác định lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại theo mức thuế suất là 25%, tổng tài sản tại 30 tháng 06 năm 2009 và kết quả kinh doanh cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009 sẽ tăng lên với số tiền tương ứng là 64.295.735.647 đồng.

11. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15)	343.423.050.999	343.423.050.999
	343.423.050.999	343.423.050.999

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế giá trị gia tăng	27.867.682.014	22.830.048.433
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.746.812.353	-
Thuế tài nguyên	-	379.440.000
Các loại thuế khác	451.440.000	795.548.066
	52.065.934.367	24.005.036.499

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2009 VND	31/12/2008 VND
Lãi vay phải trả	50.383.156.324	51.230.133.634
Sửa chữa lớn chưa quyết toán	473.355.685.288	338.569.099.945
Các khoản khác	-	514.543.818
	523.738.841.612	390.313.777.397

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	30/06/2009	31/12/2008
	VND	VND
Kinh phí Công đoàn	-	2.085.218.821
Bảo hiểm xã hội	-	13.418.710
Bảo hiểm y tế	1.941.481.877	-
Phải trả về cổ phần hóa	50.000.000	50.000.000
Nhận ký cược ngắn hạn	3.235.301.088	2.058.174.344
Các khoản phải trả khác (*)	93.020.739.021	96.036.853.413
	98.247.521.986	100.243.665.288

(*) Trong các khoản phải trả khác bao gồm khoản phải trả Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 với số tiền là 81.131.476.128 VND là giá trị vật tư dự phòng của dây chuyền thiết bị Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Đây là giá trị vật tư dự phòng được bàn giao cho Công ty trong năm 2007.

15. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2009		31/12/2008	
	(JPY)	(VND tương đương)	(JPY)	(VND tương đương)
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	35.278.103.207	6.525.037.969.166	36.206.474.344	6.696.749.494.665
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.856.742.274)	(343.423.050.999)	(1.856.742.274)	(343.423.050.999)
Số dư vay dài hạn	33.421.360.933	6.181.614.918.167	34.349.732.070	6.353.326.443.666

Khoản vay trên được thực hiện bằng đồng Yên Nhật (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 928.371.137 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 03 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 03 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,5% năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC, không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2009		31/12/2008	
	(JPY)	(VND tương đương)	(JPY)	(VND tương đương)
Trong vòng một năm	1.856.742.274	343.423.050.999	1.856.742.274	343.423.050.999
Trong năm thứ hai	1.856.742.274	343.423.050.999	1.856.742.274	343.423.050.999
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.570.226.822	1.030.269.152.997	5.570.226.822	1.030.269.152.997
Sau năm năm	25.994.391.837	4.807.922.714.171	26.922.762.974	4.979.634.239.670
	35.278.103.207	6.525.037.969.166	36.206.474.344	6.696.749.494.665
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.856.742.274)	(343.423.050.999)	(1.856.742.274)	(343.423.050.999)
Số phải trả sau 12 tháng	33.421.360.933	6.181.614.918.167	34.349.732.070	6.353.326.443.666

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2009, số dư khoản vay dài hạn bằng đồng Yên Nhật (JPY) chưa được đánh giá lại theo tỷ giá tính chéo được Ngân hàng Nhà nước công bố là 175,57 VND/JPY (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 184,96 VND/JPY). Nếu thực hiện đánh giá lại khoản mục vay dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá tính chéo tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2009, lợi nhuận trong kỳ của Công ty sẽ tăng lên với số tiền là 331.261.389.114 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2008	3.262.350.000.000	(62.834.383.080)	19.600.000.000	45.000.000.000	557.588.182.742
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(212.783.660.031)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(2.169.916.500)	-	-	-
Trích quỹ trong năm	-	-	290.000.000.000	7.500.000.000	(308.000.000.000)
Chia lợi nhuận cho các cổ đông	-	-	-	-	(162.617.307.000)
Nộp thuế TNDN theo kết quả KTTN	-	-	-	-	(1.647.279.914)
Số dư tại ngày 31/12/2008	3.262.350.000.000	(65.004.299.580)	309.600.000.000	52.500.000.000	(127.460.064.203)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	683.151.197.781
Tạm trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	(7.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2009	3.262.350.000.000	(65.004.299.580)	309.600.000.000	52.500.000.000	548.691.133.578

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 05 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, các cổ đông sở hữu vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Vốn đã góp			
	30/06/2009		31/12/2008	
	(VND)	(%)	(VND)	(%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.218.132.260.000	67,99	2.218.132.260.000	67,99
Cổ đông khác	1.044.217.740.000	32,01	1.044.217.740.000	32,01
	3.262.350.000.000	100	3.262.350.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU**Từ 01/01/2009****đến 30/06/2009****VND****Hoạt động sản xuất điện****2.254.169.073.671**

Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam

2.253.345.013.681

Điện tự dùng

824.059.990

Hoạt động khác**2.005.551.505**

Doanh thu hoạt động khác

2.005.551.505

2.256.174.625.176**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN****Từ 01/01/2009****đến 30/06/2009****VND**

Hoạt động sản xuất điện

1.608.411.736.362

Hoạt động khác

402.653.839

1.608.814.390.201**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH****Từ 01/01/2009****đến 30/06/2009****VND**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

149.482.041.233

Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính

15.108.533.333

Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện

12.365.386.323

176.955.960.889**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH****Từ 01/01/2009****đến 30/06/2009****VND**

Lãi tiền vay dài hạn

83.524.408.655

Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện

65.406

83.524.474.061**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH****Từ 01/01/2009****đến 30/06/2009****VND****Lợi nhuận trước thuế trong kỳ****706.898.010.134**

Điều chỉnh cho các khoản

Trừ: Lợi nhuận từ các hoạt động được ưu đãi thuế TNDN

611.535.560.724

Trừ: Cổ tức không chịu thuế

375.200.000

Lợi nhuận chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp**94.987.249.410**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường

25%

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**23.746.812.353**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**Từ 01/01/2009****đến 30/06/2009****VND**

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	683.151.197.781
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-
Lãi từ các giấy nhận nợ có thể chuyển đổi	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	325.205.819
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.101

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Từ 01/01/2009**đến 30/06/2009****VND****Doanh thu**

Bán điện cho Công ty mua bán điện	2.253.345.013.681
-----------------------------------	-------------------

Trả gốc vay và lãi vay

Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	159.364.189.377
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	83.524.408.655

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.181.614.918.167	6.696.749.494.665
Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam	112.529.733.234	-
Phải thu Công ty mua bán điện	828.600.567.753	737.609.988.683
Đầu tư vào công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	247.790.000.000	-
Đầu tư vào công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng	53.265.750.000	-
Đầu tư vào công ty CP dịch vụ sửa chữa điện miền Bắc	7.500.000.000	7.500.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc:

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Từ 01/01/2009**đến 30/06/2009****VND**

Thu nhập Ban giám đốc	431.311.600
-----------------------	-------------

24. CÁC CAM KẾT

Công ty đã ký kết hợp đồng bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) với thời hạn hợp đồng từ ngày 26 tháng 01 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009. Theo hợp đồng này, giá bán điện cho EVN bao gồm giá cố định và giá biến đổi được điều chỉnh tăng/ giảm theo biến động giá than và dầu là hai nguyên liệu chính sử dụng cho sản xuất điện năng của Công ty. Các điều khoản của hợp đồng sẽ hết hiệu lực nếu trái với quy định của thị trường phát điện cạnh tranh trong trường hợp thị trường điện cạnh tranh hoạt động trước khi thời hạn hợp đồng này kết thúc.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Không có số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ do đây là năm đầu tiên thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng.